

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 29880
	Giờ: Ngày 28 tháng 8 năm 12

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ÓNG
BÈ CHỨA DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Cường	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Đức	Ủy viên
Ông Hoàng Ngọc Tuyên	Ủy viên
Ông Tô Xuân Mai	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Đức	Giám đốc
Ông Hoàng Ngọc Tuyên	Phó Giám đốc
Ông Tô Xuân Mai	Phó Giám đốc
Ông Phạm Quốc Trung	Phó Giám đốc
Ông Mai Đình Bào	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Ngọc	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Hữu Đức
Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2012

Số: *1603* /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 28. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 8 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MÃ SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		712.651.005.693	643.344.202.659
I. Tiền	110	4	5.338.576.869	10.240.469.799
1. Tiền	111		5.338.576.869	10.240.469.799
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		508.059.205.708	506.002.585.519
1. Phải thu khách hàng	131		146.989.482.657	193.730.109.299
2. Trả trước cho người bán	132		137.930.705.794	119.132.521.774
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	5	219.099.239.999	187.651.225.957
4. Các khoản phải thu khác	135		4.803.987.034	6.252.938.265
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(764.209.776)	(764.209.776)
III. Hàng tồn kho	140	6	196.239.217.221	124.311.529.471
1. Hàng tồn kho	141		196.239.217.221	124.311.529.471
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.014.005.895	2.789.617.870
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		410.260.142	660.781.700
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		355.425.637	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	2.248.320.116	2.128.836.170
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		106.633.390.822	108.043.241.313
I. Tài sản cố định	220		92.099.542.125	94.729.290.344
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	25.398.525.571	25.493.688.320
- Nguyên giá	222		59.335.345.239	55.724.641.974
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.936.819.668)	(30.230.953.654)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	9	28.971.643.149	31.501.856.563
- Nguyên giá	225		32.829.524.874	32.880.376.438
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.857.881.725)	(1.378.519.875)
3. Tài sản cố định vô hình	227		13.138.055	17.510.111
- Nguyên giá	228		21.882.167	21.882.167
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.744.112)	(4.372.056)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	37.716.235.350	37.716.235.350
II. Tài sản dài hạn khác	260		14.533.848.697	13.313.950.969
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	10.696.773.420	9.326.036.210
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	193.276.277	344.115.759
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.643.799.000	3.643.799.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		819.284.396.515	751.387.443.972

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MÃ SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		611.087.724.745	536.450.302.933
I. Nợ ngắn hạn	310		591.437.875.265	513.520.574.276
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	135.535.600.088	97.571.887.559
2. Phải trả người bán	312		111.113.732.976	159.045.625.422
3. Người mua trả tiền trước	313		114.379.004.992	62.362.451.673
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	3.070.916.099	3.756.992.146
5. Phải trả người lao động	315		10.799.094.439	12.281.936.759
6. Chi phí phải trả	316	15	30.315.071.453	1.620.848.491
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	185.409.261.692	177.613.391.402
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		815.193.526	(732.559.176)
II. Nợ dài hạn	330		19.649.849.480	22.929.728.657
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	19.202.701.274	22.413.377.515
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		447.148.206	516.351.142
B. NGUỒN VỐN (400 = 410)	400		208.196.671.770	214.937.141.039
I. Vốn chủ sở hữu	410		208.196.671.770	214.937.141.039
1. Vốn điều lệ	411	18	200.000.000.000	200.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414	18	(960.276.200)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	18	2.338.586.202	1.105.152.719
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	18	2.396.752.135	1.163.318.652
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	18	4.421.609.633	12.668.669.668
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		819.284.396.515	751.387.443.972
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			30/06/2012	31/12/2011
Ngoại tệ các loại				
- USD			294,01	303,32



Nguyễn Hữu Đức
 Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2012

Đàm Quang Hưng
 Quyền Trưởng phòng
 Tài chính Kế toán

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	230.558.246.054	344.069.452.312
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		230.558.246.054	344.069.452.312
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	201.039.707.314	311.515.319.305
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		29.518.538.740	32.554.133.007
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		111.492.520	329.760.263
7. Chi phí tài chính	22		13.305.984.881	3.036.882.489
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.130.021.363	3.036.882.489
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.955.143.819	11.508.796.252
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		8.368.902.560	18.338.214.529
10. Thu nhập khác	31		1.440.666.322	114.967.327
11. Chi phí khác	32		3.827.643.371	1.278.422.803
12. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(2.386.977.049)	(1.163.455.476)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.981.925.511	17.174.759.053
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	1.409.476.396	4.106.065.354
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	12	150.839.482	201.011.341
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		4.421.609.633	12.867.682.358
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	223	643



Nguyễn Hữu Đức
 Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2012

Đàm Quang Hưng
 Quyền Trưởng phòng
 Tài chính Kế toán

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.981.925.511	17.174.759.053
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.189.599.920	4.071.633.816
Các khoản dự phòng	03	-	(145.994.943)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(111.492.520)	(330.207.335)
Chi phí lãi vay	06	13.130.021.363	3.036.882.489
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	25.190.054.274	23.807.073.080
Biến động các khoản phải thu	09	(2.531.529.772)	(93.202.749.672)
Biến động hàng tồn kho	10	(71.927.687.750)	37.037.174.731
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	31.230.023.116	(2.249.303.686)
Biến động chi phí trả trước	12	(1.120.215.652)	818.593.458
Tiền lãi vay đã trả	13	(12.829.198.070)	(2.824.677.396)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.576.209.758)	(4.971.239.049)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(36.564.763.612)	(41.585.128.534)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.282.320.146)	(6.955.661.600)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	81.818.182
3. Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	111.492.520	329.760.263
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.170.827.626)	(6.544.083.155)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(960.276.200)	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	117.793.542.147	20.855.317.408
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(80.294.639.996)	(17.000.000.000)
4. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(2.704.927.643)	(162.480.000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(16.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	33.833.698.308	(12.307.162.592)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(4.901.892.930)	(60.436.374.281)
Tiền đầu kỳ	60	10.240.469.799	62.897.348.356
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền cuối kỳ	70	5.338.576.869	2.460.974.075

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 1.328.383.119 VND (từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011: 32.135.207.289 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Hữu Đức
Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2012

Đàm Quang Hưng
Quyền Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3500833615 ngày 26 tháng 11 năm 2009 và thay đổi lần thứ hai ngày 09 tháng 6 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 VND, được chia thành 20.000.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND.

Công ty có 01 Chi nhánh là Xí nghiệp Xây lắp 5 được thành lập ngày 30 tháng 11 năm 2011.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 803 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 751).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Thi công các công trình đường ống, bồn, bể chứa;
- Lắp đặt các hệ thống thiết bị công nghệ, hệ thống thiết bị điều khiển, tự động hóa công nghiệp, lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện và các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác;
- Sửa chữa phương tiện vận tải thủy;
- Khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình khí (ngoài biển, đất liền), các công trình thi công xây dựng và dân dụng cảng sông, cảng biển và các công trình công nghiệp khác;
- Kinh doanh đồ thị văn phòng; siêu thị và nhà ở;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy đóng tàu, vận tải dầu, khí, hóa chất, nhà máy đóng giàn khoan;
- Đầu tư xây dựng cảng sông, cảng biển;
- Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông;
- Đầu tư xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê, kè, bến cảng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp khác;
- Đầu tư khai thác mỏ (cát đá,...);
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hóa chất;
- Chế tạo thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển;
- Chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng, dầu, khí hóa lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ;
- Mua bán thiết bị xây dựng dầu khí;
- Sản xuất các sản phẩm công nghiệp (kho chứa, nhiệt điện, thủy điện,...);
- Vận chuyển dầu và khí hóa lỏng, hóa chất;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty là khảo sát thiết kế và xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền thuần của Công ty tương ứng là âm 36.564.763.612 VND và âm 4.901.892.930 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào dòng tiền và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong tương lai. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty phần lớn là từ Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC). Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng về dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, đặc biệt là khả năng thu hồi các khoản phải thu ngắn hạn từ PVC để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trả, đồng thời tiếp tục thực hiện các giải pháp để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận trong tương lai. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là hợp lý.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng và các khoản ký quỹ, đặt cọc.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và nợ thuế tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và xem xét một cách thận trọng về khả năng thu hồi của các khoản nợ phải thu và tin tưởng rằng số trích lập dự phòng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty không có vật tư, hàng hóa tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2012
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 10
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	5 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuê tài sản (Tiếp theo)

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>2012</u> Số năm
Phương tiện vận tải	6 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính của Ban điều hành Dự án xây dựng công trình Kho chứa LPG lạnh Thị Vải nhận bàn giao từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng làm việc cho dự án tại tỉnh Tiền Giang, lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển sang công ty cổ phần và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí lợi thế kinh doanh khi xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển sang công ty cổ phần phát sinh kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2010 với số tiền là 5.186.760.000 VND và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh trong vòng 10 năm. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, việc phân bổ lợi thế kinh doanh trong thời gian 10 năm là phù hợp với các quy định về kế toán hiện hành và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng Công ty không phải trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình xây lắp mà Công ty thi công.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN

	<u>30/06/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	74.554.761	213.995.175
Tiền gửi ngân hàng	5.264.022.108	10.026.474.624
	<u>5.338.576.869</u>	<u>10.240.469.799</u>

5. HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	<u>30/06/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Hợp đồng dở dang tại ngày kết thúc kỳ kế toán: Khoản phải thu từ khách hàng của hợp đồng đã bao gồm trong khoản phải thu người bán và phải thu khác	219.099.239.999	187.651.225.957
	<u>219.099.239.999</u>	<u>187.651.225.957</u>
Chi phí hợp đồng xây dựng cộng lợi nhuận đã ghi nhận trừ các khoản lỗ đã ghi nhận lũy kế	367.546.026.941	290.752.249.231
Trừ: số đã phát hành hóa đơn theo tiến độ	148.446.786.942	103.101.023.274
	<u>219.099.239.999</u>	<u>187.651.225.957</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.695.062.709	3.149.177.280
Công cụ, dụng cụ	1.509.944.312	943.137.605
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	192.034.210.200	120.219.214.586
	<u>196.239.217.221</u>	<u>124.311.529.471</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>196.239.217.221</u>	<u>124.311.529.471</u>

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tạm ứng	2.146.770.856	2.027.286.910
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.000.000	35.000.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	66.549.260	66.549.260
	<u>2.248.320.116</u>	<u>2.128.836.170</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	1.881.020.194	39.902.302.366	9.134.182.420	4.807.136.994	55.724.641.974
Đầu tư, mua sắm mới trong kỳ	-	2.810.200.000	536.363.636	264.139.629	3.610.703.265
Tại ngày 30/06/2012	1.881.020.194	42.712.502.366	9.670.546.056	5.071.276.623	59.335.345.239
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	1.604.931.238	22.092.434.839	3.155.492.078	3.378.095.499	30.230.953.654
Khấu hao trong kỳ	119.399.394	2.673.095.531	664.007.748	249.363.341	3.705.866.014
Tại ngày 30/06/2012	1.724.330.632	24.765.530.370	3.819.499.826	3.627.458.840	33.936.819.668
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/06/2012	<u>156.689.562</u>	<u>17.946.971.996</u>	<u>5.851.046.230</u>	<u>1.443.817.783</u>	<u>25.398.525.571</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>276.088.956</u>	<u>17.809.867.527</u>	<u>5.978.690.342</u>	<u>1.429.041.495</u>	<u>25.493.688.320</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 12.338.324.855 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 8.726.969.666 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp xe tải cầu HINO 7 tấn với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 2.307.248.152 VND để đảm bảo cho khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2012	32.880.376.438
Điều chỉnh giảm thuế GTGT ghi vào nguyên giá	(50.851.564)
Tại ngày 30/06/2012	32.829.524.874
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2012	1.378.519.875
Khấu hao trong kỳ	2.479.361.850
Tại ngày 30/06/2012	3.857.881.725
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/06/2012	<u>28.971.643.149</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>31.501.856.563</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	<u>30/06/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
- Trụ sở làm việc tại Trung tâm Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng, thành phố Hồ Chí Minh	35.352.907.200	35.352.907.200
- Nhà máy Sản xuất Bình bồn Dầu khí	2.363.328.150	2.363.328.150
	<u>37.716.235.350</u>	<u>37.716.235.350</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/06/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Lợi thế kinh doanh	3.933.293.000	4.192.631.000
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	6.763.480.420	4.932.033.210
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	201.372.000
	<u>10.696.773.420</u>	<u>9.326.036.210</u>

12. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong kỳ:

	<u>Chi phí phải trả</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2012	344.115.759	344.115.759
Chuyển sang lợi nhuận trong kỳ	(150.839.482)	(150.839.482)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012	<u>193.276.277</u>	<u>193.276.277</u>

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn:		
- Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	83.825.063.647	43.567.447.002
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (ii)	26.215.898.853	48.237.186.109
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh An Phú (iii)	19.262.572.762	-
Vay dài hạn đến hạn trả:		
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	421.764.000	421.764.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả:	<u>5.810.300.826</u>	<u>5.345.490.448</u>
	<u>135.535.600.088</u>	<u>97.571.887.559</u>

- (i) Khoản vay ngắn hạn từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (PVFC Vũng Tàu) theo Hợp đồng tín dụng số 02/2011/HDTDHM-TCĐK-CNV.TD&QLTD ngày 14 tháng 7 năm 2011. Khoản vay này rút bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 160.000.000.000 VND, trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất ngắn hạn do PVFC Vũng Tàu công bố tại thời điểm Công ty rút vốn và ghi cụ thể trong từng kế ước nhận nợ (trong kỳ, lãi suất thay đổi từ 17,5%/năm đến 20%/năm). Trong số dư gốc vay phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 có một phần gốc vay đã đáo hạn nhưng chưa được Công ty thanh toán là 8.052.140.481 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

- (ii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng số 0222/HDTD2-VIB622/11 ngày 20 tháng 7 năm 2011. Khoản vay này rút bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 VND, trong vòng 12 tháng kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2011. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, chịu lãi suất áp dụng tại thời điểm Công ty rút vốn và ghi cụ thể trong từng kế ước nhận nợ (trong kỳ, lãi suất thay đổi từ 19,5%/năm đến 20%/năm).
- (iii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) - Chi nhánh An Phú theo Hợp đồng tín dụng số 121.12APU/HMTD.44/1170120.01 ngày 31 tháng 5 năm 2012. Khoản vay này rút bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 VND, trong vòng 12 tháng kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2012. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, chịu lãi suất áp dụng tại thời điểm Công ty rút vốn và ghi cụ thể trong từng kế ước nhận nợ (trong kỳ, lãi suất thay đổi từ 19,5%/năm đến 20%/năm).

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	2.813.996.358	319.670.374
Thuế thu nhập doanh nghiệp	181.919.741	3.348.653.103
Thuế thu nhập cá nhân	75.000.000	88.668.669
	<u>3.070.916.099</u>	<u>3.756.992.146</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Chi phí trích trước của các công trình xây lắp do Công ty thực hiện	29.291.868.160	1.620.848.491
Trích trước chi phí khác	1.023.203.293	-
	<u>30.315.071.453</u>	<u>1.620.848.491</u>

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Nhận bàn giao dự án "Xây dựng công trình Kho chứa LPG lạnh Thị Vải" (*)	166.867.110.545	166.867.110.545
Cổ tức phải trả	14.120.000.000	6.120.000.000
Phải trả tiền thuế thu nhập cá nhân Công ty thu hộ	903.611.014	2.320.985.453
Kinh phí công đoàn	467.082.972	1.192.583.329
Bảo hiểm xã hội	370.567.890	-
Bảo hiểm y tế	75.797.979	-
Bảo hiểm thất nghiệp	33.687.990	-
Các khoản phải trả khác	2.571.403.302	1.112.712.075
	<u>185.409.261.692</u>	<u>177.613.391.402</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC (Tiếp theo)

(*) Theo Quyết định số 576/QĐ-XLDK ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt phương án giao cho Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí thực hiện dự án “Xây dựng công trình Kho chứa LPG lạnh Thị Vải” và Hợp đồng xây dựng số 49/2011/HĐKT-XLDK/PVC-PVC PT ngày 04 tháng 7 năm 2011 về việc “Quản lý, điều hành, thi công xây dựng các phần việc còn lại của dự án xây dựng công trình Kho chứa LPG lạnh Thị Vải”, Công ty đã nhận bàn giao dự án và theo đó nhận bàn giao số dư các khoản “Trả trước cho người bán” tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Ban điều hành Dự án Xây dựng Công trình Kho chứa LPG lạnh Thị Vải với số tiền là 166.867.110.545 VND và ghi tăng khoản phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam với số tiền tương ứng.

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/06/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Vay dài hạn		
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i)	1.581.618.000	1.792.500.000
Nợ thuê tài chính dài hạn		
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu (ii)	365.291.500	568.709.720
- Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (iii)	12.135.856.600	13.147.422.243
- Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease (iv)	11.352.000.000	12.672.000.000
	<u>25.434.766.100</u>	<u>28.180.631.963</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng <i>(Được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)</i>		
Vay dài hạn đến hạn trả	421.764.000	421.764.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	5.810.300.826	5.345.490.448
Số phải trả sau 12 tháng	<u>19.202.701.274</u>	<u>22.413.377.515</u>

- (i) Vay dài hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0073/2011/HĐTD ngày 22 tháng 8 năm 2011 để đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị. Khoản vay này rút bằng Đồng Việt Nam, với hạn mức tín dụng là 19.437.767.700 VND, thời hạn vay trong vòng 54 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay với giá trị tạm tính là 29.317.900.000 VND, chịu lãi suất áp dụng tại thời điểm Công ty rút vốn và ghi cụ thể trong từng kế ước nhận nợ (trong kỳ, lãi suất vay là 20,5%/năm).

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/06/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	421.764.000	421.764.000
Trong năm thứ hai	421.764.000	421.764.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	738.090.000	948.972.000
	<u>1.581.618.000</u>	<u>1.792.500.000</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng <i>(được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)</i>	421.764.000	421.764.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u>1.159.854.000</u>	<u>1.370.736.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Nợ thuê tài chính dài hạn thể hiện các khoản:

- (ii) Thuê tài chính 01 chiếc xe Toyota Camry ký với Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu (ACB Leasing) theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 05.07.10/HĐCTTC-DK ngày 09 tháng 8 năm 2010. Giá trị tài sản thuê bằng 998.900.000 VND cộng (+) 100% thuế trước bạ. Công ty trả trước cho ACB Leasing số tiền tương đương 15% giá trị tài sản thuê và ký cược số tiền tương đương 10% giá trị tài sản thuê. Số tiền cho thuê tương đương 85% giá trị tài sản thuê cộng (+) 100% phí bảo hiểm, giá trị mua lại là 0,3% giá trị tài sản thuê. Lãi suất cho thuê trong 3 tháng đầu tiên là 16%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi, lãi suất cho thuê bằng 5,1%/năm cộng (+) lãi suất tiền gửi tiết kiệm theo niêm yết của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu tại thời điểm xác định lãi suất cho thuê tài chính, loại tiền VND, kỳ hạn 13 tháng, lãi cuối kỳ, bậc 2. Thời hạn cho thuê là 36 tháng, kể từ ngày 31 tháng 8 năm 2010.
- (iii) Thuê tài chính tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (VILC) bao gồm hai hợp đồng sau:
 - Thuê tài chính 01 chiếc xe cầu bánh lốp 55 tấn hiệu Grove theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2011-00052-000 ngày 22 tháng 7 năm 2011. Giá trị tài sản thuê là 16.978.343.965 VND. Công ty trả trước cho VILC số tiền tương đương 15% giá trị tài sản thuê và ký cược số tiền tương đương 10% giá trị tài sản thuê. Số tiền cho thuê tương đương 85% giá trị tài sản thuê cộng (+) 100% phí bảo hiểm, giá trị mua lại là 1% giá trị tài sản thuê. Lãi suất cho thuê tạm thời (trong thời gian chưa bắt đầu thanh toán tiền thuê) là 17,5%/năm, sau đó lãi suất cho thuê bằng 2,5%/năm cộng (+) lãi suất cơ bản là lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng, trả lãi cuối kỳ, áp dụng cho khách hàng cá nhân của ba Ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Sở giao dịch, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Sở giao dịch và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Sở giao dịch. Thời hạn cho thuê là 60 tháng.
 - Thuê tài chính 01 chiếc xe Toyota Fortuner theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2011-00106-000 ngày 13 tháng 10 năm 2011. Giá trị tài sản thuê là 1.113.200.000 VND. Công ty trả trước cho VILC số tiền tương đương 15% giá trị tài sản thuê và ký cược số tiền tương đương 10% giá trị tài sản thuê. Số tiền cho thuê tương đương 85% giá trị tài sản thuê cộng (+) 100% phí bảo hiểm, giá trị mua lại là 1% giá trị tài sản thuê. Lãi suất cho thuê tạm thời (trong thời gian chưa bắt đầu thanh toán tiền thuê) là 17,5%/năm, sau đó lãi suất cho thuê bằng 2,5%/năm cộng (+) lãi suất cơ bản là lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng, trả lãi cuối kỳ, áp dụng cho khách hàng cá nhân của ba Ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Sở giao dịch, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Sở giao dịch và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Sở giao dịch. Thời hạn cho thuê là 60 tháng.
- (iv) Thuê tài chính 01 chiếc xe cần trục bánh lốp hiệu Grove ký với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease (Chailease) theo Hợp đồng cho thuê tài chính số B111132803 ngày 14 tháng 11 năm 2011. Giá trị tài sản thuê là giá mua tài sản thuê và các loại thuế liên quan. Công ty trả trước cho Chailease số tiền tương đương 15% giá trị tài sản thuê và ký cược số tiền tương đương 10% giá trị tài sản thuê. Số tiền cho thuê tương đương 85% giá trị tài sản thuê cộng (+) 100% phí bảo hiểm, giá trị mua lại là 0,3% giá trị tài sản thuê. Lãi suất cho thuê là lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam. Thời hạn cho thuê là 48 tháng kể từ ngày bên thuê nhận nợ lần đầu.

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

	<u>30/06/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	5.810.300.826	5.345.490.448
Trong năm thứ hai	6.012.915.990	5.943.027.662
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	12.029.931.284	15.099.613.853
	23.853.148.100	26.388.131.963
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	5.810.300.826	5.345.490.448
Số phải trả sau 12 tháng	18.042.847.274	21.042.641.515

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2011	200.000.000.000	-	-	-	23.266.373.035
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	24.668.669.668
Phân phối quỹ	-	-	1.105.152.719	1.163.318.652	(2.268.471.371)
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	(20.000.000.000)
Tạm chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	(12.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(997.901.664)
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2012	200.000.000.000	-	1.105.152.719	1.163.318.652	12.668.669.668
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	4.421.609.633
Phân phối quỹ (*)	-	-	1.233.433.483	1.233.433.483	(2.466.866.966)
Mua cổ phiếu quỹ (**)	-	(960.276.200)	-	-	-
Chia cổ tức còn lại năm 2011 (*)	-	-	-	-	(8.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(2.201.802.702)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012	200.000.000.000	(960.276.200)	2.338.586.202	2.396.752.135	4.421.609.633

(*) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2012, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2011 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 1.233.433.483 VND;
- Trích quỹ dự phòng tài chính: 1.233.433.483 VND;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 2.201.802.702 VND;
- Chia cổ tức: 20.000.000.000 VND.

Theo Nghị Quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 11 năm 2011, Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2011 cho các cổ đông bằng 6% vốn điều lệ tương đương 12.000.000.000 VND. Trong 6 tháng đầu năm 2012, Công ty đã thực hiện chia cổ tức còn lại năm 2011 cho các cổ đông với số tiền là 8.000.000.000 VND.

(**) Công ty đã mua lại 178.490 cổ phiếu với giá bình quân 5.380 VND/cổ phiếu trong thời gian từ ngày 15 tháng 02 năm 2012 đến ngày 15 tháng 5 năm 2012.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 09 tháng 6 năm 2011, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 200.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày	
	VND	%	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lập Dầu khí Việt Nam	102.000.000.000	51%	102.000.000.000	102.000.000.000
Các cổ đông khác	98.000.000.000	49%	98.000.000.000	98.000.000.000
	200.000.000.000	100%	200.000.000.000	200.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BÈ CHỨA DẦU KHÍTầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào, phường Tân Phú
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Cổ phiếu**

	<u>30/06/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	<u>Số lượng cổ phiếu</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	178.490	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	19.821.510	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ ngày 01/01/2012</u> <u>đến ngày 30/06/2012</u>	<u>Từ ngày 01/01/2011</u> <u>đến ngày 30/06/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu hoạt động xây lắp	229.634.902.025	343.802.519.063
Doanh thu hoạt động khác	923.344.029	266.933.249
	<u>230.558.246.054</u>	<u>344.069.452.312</u>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Từ ngày 01/01/2012</u> <u>đến ngày 30/06/2012</u>	<u>Từ ngày 01/01/2011</u> <u>đến ngày 30/06/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn hoạt động xây lắp	200.159.581.162	311.285.255.361
Giá vốn hoạt động khác	880.126.152	230.063.944
	<u>201.039.707.314</u>	<u>311.515.319.305</u>

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Từ ngày 01/01/2012</u> <u>đến ngày 30/06/2012</u>	<u>Từ ngày 01/01/2011</u> <u>đến ngày 30/06/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	64.000.224.347	92.737.896.109
Chi phí nhân công	63.132.321.070	60.130.968.580
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.189.599.920	4.071.633.816
Chi phí dịch vụ mua ngoài	146.261.738.327	138.763.930.867
Chi phí khác	1.225.963.083	648.386.434
	<u>280.809.846.747</u>	<u>296.352.815.806</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Từ ngày 01/01/2012</u> <u>đến ngày 30/06/2012</u>	<u>Từ ngày 01/01/2011</u> <u>đến ngày 30/06/2011</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	5.981.925.511	17.174.759.053
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	259.338.000	53.547.726
Trừ: Chênh lệch tính thuế của chi phí phân bổ lợi thể kinh doanh	-	605.122.000
Thu nhập chịu thuế	6.241.263.511	16.623.184.779
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.560.315.878	4.155.796.195
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại	(150.839.482)	(49.730.841)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.409.476.396	4.106.065.354

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2012</u> <u>đến ngày 30/06/2012</u>	<u>Từ ngày 01/01/2011</u> <u>đến ngày 30/06/2011</u>
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.421.609.634	12.867.682.358
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.822.903	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	223	643

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Chi phí thuê hoạt động đã được Công ty ghi nhận trong kỳ là 604.322.560 VND, thể hiện:

- Hợp đồng thuê mặt bằng sản xuất với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, diện tích thuê là 10.000 m² tại số 1738, đường 30/4, khu Phước Cơ, phường 12, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với giá thuê 20.400 đồng/m²/năm, mục đích là làm kho và xưởng cơ khí nhỏ, thời hạn thuê đến hết ngày 01 tháng 01 năm 2016.

- Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất số 520/HĐKT ngày 08 tháng 11 năm 2011 giữa Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bè chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC). PVC-IC cho PVC-PT thuê quyền sử dụng đất với diện tích thuê 1.469 m² tại số 35G đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu. Thời hạn thuê là 2 năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2011. Giá thuê quyền sử dụng đất được tính trên cơ sở giá trị cổ tức thực trả hàng năm mà PVC-IC trả Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) cho phần vốn góp của PVC tính trên giá trị lô đất là 4.407.000.000 VND. Tỷ lệ trả cổ tức cho PVC hàng năm tạm tính bằng 17% giá trị vốn góp. Thông báo trả cổ tức hàng năm cho cổ đông của PVC-IC sẽ là cơ sở để tính giá thuê.

- Hợp đồng kinh tế ngày 13 tháng 10 năm 2010 thuê nhà ở xã hội tại địa chỉ số 41, đường Hai Bà Trưng, phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang cho Công trình Nhà máy chế tạo ống thép hàn thẳng PV-PIPE. Giá thuê nhà là 12.000.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng). Thời hạn thuê là 2 năm, bắt đầu từ ngày 20 tháng 10 năm 2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay và nợ như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và số 17 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	5.338.576.869	10.240.469.799
Phải thu khách hàng và phải thu khác	148.586.302.780	196.701.345.007
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	219.099.239.999	187.651.225.957
Các khoản ký quỹ và đặt cọc	3.678.799.000	3.678.799.000
Tổng cộng	376.702.918.648	398.271.839.763
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	130.885.153.262	93.597.133.111
Nợ thuê tài chính	23.853.148.100	26.388.131.963
Phải trả người bán và phải trả khác	292.100.843.521	332.032.735.967
Chi phí phải trả	30.315.071.453	1.620.848.491
Tổng cộng	477.154.216.336	453.638.849.532

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
<i>Đô La Mỹ (USD)</i>	-	-	6.123.724	6.261.048

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 26.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

30/06/2012	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	129.725.299.262	1.159.854.000	130.885.153.262
Nợ thuê tài chính	5.810.300.826	18.042.847.274	23.853.148.100
Phải trả người bán và phải trả khác	292.100.843.521	-	292.100.843.521
Chi phí phải trả	30.315.071.453	-	30.315.071.453
31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	92.226.397.111	1.370.736.000	93.597.133.111
Nợ thuê tài chính	5.345.490.448	21.042.641.515	26.388.131.963
Phải trả người bán và phải trả khác	332.032.735.967	-	332.032.735.967
Chi phí phải trả	1.620.848.491	-	1.620.848.491

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, công nợ tài chính ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản tài chính ngắn hạn với số tiền là 84.892.395.414 VND (31 tháng 12 năm 2011: 36.597.431.254 VND). Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp do số dư các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty phần lớn là từ Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC). Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng khả năng thu hồi các khoản phải thu ngắn hạn từ PVC và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2012	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	5.338.576.869	-	5.338.576.869
Phải thu khách hàng và phải thu khác	148.586.302.780	-	148.586.302.780
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	219.099.239.999	-	219.099.239.999
Các khoản ký quỹ và đặt cọc	35.000.000	3.643.799.000	3.678.799.000
31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	10.240.469.799	-	10.240.469.799
Phải thu khách hàng và phải thu khác	196.701.345.007	-	196.701.345.007
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	187.651.225.957	-	187.651.225.957
Các khoản ký quỹ và đặt cọc	35.000.000	3.643.799.000	3.678.799.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
	VND	VND
Doanh thu		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	124.387.411.120	252.904.121.537
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	70.179.936.817	56.429.446.856
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	20.690.243.368	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	3.324.514.325	7.799.246.975
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	443.555.887	57.875.976
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương	83.206.285	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	68.614.128	11.414.612.708
Mua hàng, thuê thi công các công trình xây lắp		
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương	30.235.711.139	-
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí	30.190.530.250	6.366.757.268
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu Khí	12.713.385.864	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	6.916.863.681	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	4.242.060.576	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	2.214.049.456	9.188.681.727
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	967.243.120	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	674.874.565	35.352.907.200
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	1.000.000	53.721.591.485
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	-	25.937.811.818
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	11.328.345.430
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí	-	1.680.332.261
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	-	1.354.513.430
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	-	1.297.651.152
Thu nhập của Ban Giám đốc	951.123.457	1.078.970.473
Cổ tức đã trả cho các cổ đông	-	16.000.000.000

Số dư với các bên liên quan như sau:

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	114.567.352.703	152.522.061.637
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	7.054.256.346	7.054.256.346
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	5.671.564.003	4.679.166.984
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	5.092.288.496	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	4.553.687.850	4.553.687.850
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Nam	4.191.355.016	4.191.355.016
Ban Điều hành Dự án Nhà máy Khí điện Nhơn Trạch 2	1.668.358.913	1.668.358.913
Ban Quản lý Dự án khí điện đạm Cà Mau	1.432.842.790	1.432.842.790
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	840.353.452	1.096.707.367
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	384.965.684	384.965.684
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương	309.686.552	219.647.160
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	15.213.390	13.438.750.729
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	547.382.702

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan như sau (Tiếp theo):

	<u>30/06/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương	84.495.298.147	47.592.877.985
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu Khí	23.412.709.846	32.052.485.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà	15.953.923.952	25.600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	5.788.324.783	12.111.944.546
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí	1.577.725.147	8.751.425
Các khoản phải thu khác		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.612.787.052	1.614.513.395
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu Khí	33.888.197.920	33.888.197.920
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	15.955.770.002	25.135.412.020
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	8.014.898.117	9.585.407.117
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	4.649.966.337	6.649.966.337
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	5.315.746.804	4.751.862.106
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	3.062.444.954	3.662.444.954
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	3.465.403.662	3.469.411.335
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam	-	1.236.779.723
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí	-	1.182.754.330
Người mua ứng trước		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	63.258.020.644	34.269.852.596
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	23.523.319.458	16.249.560.007
Ban quản lý Nhà máy lọc dầu Dung Quất	9.615.894.404	9.615.894.404
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	170.947.222.733	172.987.110.545
- Phải trả do nhận bàn giao kho LPG Lạnh Thị Vải	166.867.110.545	166.867.110.545
- Phải trả cổ tức	4.080.112.188	6.120.000.000
Các cổ đông khác	10.039.887.812	-

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây lắp. Trong kỳ, Công ty không có hoạt động sản xuất, kinh doanh trọng yếu nào khác; theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 đều liên quan đến hoạt động xây lắp.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Tầng 6, Petroland Tower, số 12 đường Tân Trào, phường Tân Phú
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. SỐ LIỆU SO SÁNH


Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.



Nguyễn Hữu Đức
Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2012


Đàm Quang Hưng
Quyền Trưởng phòng
Tài chính Kế toán